

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2025
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoài

Bà Lục Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Linh Đức Minh- Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 2000. Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Bồn Văn L, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2024, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Bồn Văn L có được tìm hiểu, yêu thương nhau từ trước và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/8/2019 tại UBND xã X, huyện V, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, đôi khi dẫn đến đánh nhau. Mặc dù đã được anh em, bạn bè cũng như hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn không cải thiện được. Anh, chị đã sống đã sống

ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bồn Văn L để mỗi người có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Bồn Thị Hà V, sinh ngày 20/06/2019 và Bồn Thanh T, sinh ngày 16/12/2020. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và giao cháu V cho anh Bồn Văn L nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tiền án phí: Chị Trần Thị H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Bồn Văn L không đến Tòa án, không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà không cho biết lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Xuyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo hướng:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Bồn Văn L được ly hôn.

+ Về con chung: Giao cháu Bồn Thanh T, sinh ngày 16/12/2020 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng. Giao cháu Bồn Thị Hà V, sinh ngày 20/06/2019 cho anh Bồn Văn L nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh Bồn Văn L cư trú tại thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Hà Giang, do đó Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bồn Văn L vắng mặt không có lý do. Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 227, Điều 228

và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị H và anh Bồn Văn L có sự tìm hiểu, yêu thương nhau từ trước và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/8/2019 tại UBND xã X, huyện V, tỉnh Hà Giang, đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do anh chị không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, đôi khi còn dẫn đến xô xát. Anh chị đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị H đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó cần chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Bồn Văn L.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Bồn Thị Hà V, sinh ngày 20/06/2019 và Bồn Thanh T, sinh ngày 16/12/2020. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và giao cháu V cho anh Bồn Văn L nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án chị H cung cấp thông tin về thu nhập hàng tháng là 7.000.000đ, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương xác định được thu nhập bình quân của người dân trên địa bàn xã X là khoảng 21.000.000đ/người/năm, ngoài ra chính quyền thôn cung cấp thêm thông tin anh Bồn Văn L ngoài làm ruộng nương ra anh còn chạy thêm tour du lịch (lái xe máy chở khách đi du lịch). Với mức thu nhập bình quân của chị H và anh B như vậy đủ điều kiện cho các cháu được được chăm sóc các nhu cầu cơ bản, đảm bảo cho các cháu được phát triển một cách bình thường, do đó cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa chị Trần Thị H và anh Bồn Văn L.

2. **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Bồn Văn L.

3. Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Bồn Thị Hà V, sinh ngày 20/06/2019 cho anh Bồn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Bồn Thanh T, sinh ngày 16/12/2020 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0001251 ngày 11/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện V;
- CC THADS huyện V;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phúc